

Bản án số: 72/2020/DS-PT
Ngày: 23/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lục;
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;
Ông Thái Duy Nhiệm.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Nhiệm, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 279/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019, về: “Tranh chấp chia thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3378/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn Q, sinh năm 1955; Nơi cư trú: Xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác: Lê Thị Quyết), sinh năm 1955; có mặt.

3.2. Ông Lê Thế M, sinh năm 1958; có mặt.

Đều có nơi cư trú: Xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

3.3. Bà Lê Thị N, sinh 1948; Nơi cư trú: Xóm 7, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

3.4. Bà Lê Thị T, sinh 1950; Nơi cư trú: Xóm 2, xã Hải Thanh, huyện H, tỉnh Nam Định. (*ủy quyền cho ông Lê Thế M*).

3.5. Bà Vũ Thị T, sinh 1960.

3.6. Anh Lê Song H, sinh năm 1986.

Đều có nơi cư trú: Xóm 9, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

3.7. Chị Lê Thị H, sinh 1984; Nơi cư trú: Xóm 3, xã Hải Nam, huyện H, tỉnh Nam Định.

3.8. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định; Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn Yên Định, huyện H, tỉnh Nam Định. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hải Đ - Chức vụ: Chủ tịch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

1. Nguyên đơn trình bày và đề nghị như sau: Cụ Lê Văn Tiểu, chết ngày 10/12/1996, cụ Tiểu có hai vợ. Vợ cả là cụ Bùi Thị Ngọc, chết ngày 10/01/1994 (âm lịch), giữa cụ Tiểu và cụ Ngọc không có con chung. Vợ thứ hai là cụ Hoàng Thị Điểm, chết ngày 15/01/2019. Cả ba cụ cùng sống chung một nhà trên cùng thổ đất. Giữa cụ Tiểu và cụ Điểm có 6 người con chung gồm: Bà Lê Thị N, bà Lê Thị T, ông Lê Văn Q, ông Lê Thế M, ông Lê Văn T, ông Lê Văn Quý, sinh năm 1960 (đã chết ngày 01/5/2009). Ông Quý có vợ là bà Vũ Thị T và hai con là anh Lê Song H và chị Lê Thị H. Khi còn sống, cụ Tiểu, cụ Ngọc, cụ Điểm có một thổ đất, diện tích 410m² tại Bản đồ số 17, Thửa số 26 của xã H. Hiện nay vợ chồng ông Quyết, bà Hòa đang sử dụng. Thổ đất có nguồn gốc của cụ Lý Ruân (bố đẻ ra cụ Tiểu) chỉ có khoảng ¼ thổ đất, còn lại cụ Tiểu mua của những người khác ¾ thổ đất. Cụ Tiểu và cụ Ngọc khi chết không để lại di chúc. Đến năm 1999, vợ chồng ông Quyết, bà Hòa tự kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: GCNQSDĐ). Việc vợ chồng ông Quyết tự ý đứng lên kê khai, làm thủ tục không bàn bạc gì với cụ Điểm và các chị em trong gia đình, đến năm 2001 gia đình mới phát hiện ra vợ chồng ông Quyết đã được cấp GCNQSDĐ. Ông Tính, ông Mạnh và ông Quý khi đó còn sống có ý kiến, yêu cầu ông Quyết để lại ngôi nhà dưới và mảnh vườn trước nhà cho cụ Điểm sử dụng, sau khi cụ chết để lại làm nơi thờ cúng, nhưng vợ chồng ông Quyết không đồng ý. Vợ chồng ông Quyết không có giấy tờ gì để chứng minh về việc mua đất hoặc được tặng cho đất. Trong quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông Quyết có xây dựng thêm công, hàng rào, bể nước, bếp, nhà vệ sinh, khu chăn nuôi lợn, gà. Đến nay ông Tính đề nghị hủy GCNQSDĐ và chia di sản thừa kế của cụ Tiểu để lại là ½ diện tích thổ đất cho cụ Điểm, ông Tính và các anh, chị, em trong gia đình.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên là ông Lê Thế M, bà Lê Thị N, bà Lê Thị T, bà Vũ Thị T, cụ Hoàng Thị Điểm, anh Lê Song H, chị Lê Thị H có lời khai thống nhất với lời khai của ông Lê Văn T. Ông Mạnh, bà Nga, bà Tâm, bà Thim, cụ Điểm, anh Hòa, chị Huế nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Tính. Để sau này làm nơi thờ cúng cho bố mẹ, ông bà, tổ tiên và là nơi họp mặt con cháu đi về.

Tại đơn đề nghị ngày 13/4/2019, ông Lê Văn T, bà Lê Thị N, bà Lê Thị T, bà Vũ Thị T, ông Lê Thế M đã thống nhất, chỉ yêu cầu được chia một phần di sản thừa kế là diện tích đất nằm ở phía nam của thửa đất, có các chiều: Phía Nam dài 12,55m, phía Bắc dài 12,55m, phía Đông dài 9,1m, phía Tây dài 9,1m. Mục đích để anh, chị, em làm nhà thờ cúng gia tiên và bố mẹ, số diện tích còn lại để hết cho

ông Quyết. Đơn đề nghị có xác nhận của UBND xã H ngày 16/4/2019.

2. *Bị đơn ông Lê Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày với nội dung:* Thống nhất với lời khai của ông Lê Văn T về họ tên, ngày tháng năm mất của cụ Tiểu, cụ Ngọ và họ tên của cụ Điểm, giữa cụ Tiểu và cụ Điểm có 6 người con chung họ tên, năm sinh và địa chỉ của từng người. Khi còn sống, cụ Tiểu, cụ Ngọ, cụ Điểm có một thổ đất có diện tích 410m² tại Bản đồ số 17, Thửa số 26 của xã H, hiện nay vợ chồng ông Quyết, bà Hòa đang quản lý, sử dụng và đã được cấp GCNQSDĐ, ngày 20/11/1999. Nguồn gốc thổ đất này là của cụ Lý Ruân (bố đẻ ra cụ Tiểu), cụ Lý Ruân sau khi chết để lại thổ đất này cho cụ Tiểu và hai vợ của cụ Tiểu (cụ Ngọ và cụ Điểm) quản lý, sử dụng. Cụ Tiểu và cụ Ngọ khi chết không để lại di chúc gì. Năm 1990, cụ Tiểu và cụ Ngọ đã viết đơn đề nghị với UBND xã H, ban địa chính xã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Quyết và bà Hòa, diện tích thổ đất 425 m², với giá trị chuyển nhượng là 170.000đồng, vợ chồng ông Quyết đã giao đủ tiền cho cụ Tiểu nhận, được cấp GCNQSDĐ. Đến nay, ông Tính làm đơn khởi kiện, ông Quyết và bà Hòa không nhất trí, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Tính, với lý do thổ đất nói trên cụ Tiểu, cụ Ngọ đã chuyển nhượng hợp pháp cho vợ chồng ông Quyết, bà Hòa. Vợ chồng ông, bà đã trả đủ tiền 170.000đồng và đã nhận đất từ năm 1990, sử dụng ổn định, lâu dài.

3. *Tại biên bản hòa giải ngày 26/6/2018, nguyên đơn ông Lê Văn T và những người có quyền lợi liên quan đứng về phía ông Tính trình bày:* Ngôi nhà cấp 4, hiện nay cụ Điểm đang ở là do ông Lê Văn Mạnh xây dựng từ năm 1978, đến năm 1993 ông Mạnh giao lại nhà cho ông Quyết sử dụng. Hai bên thỏa thuận bằng miệng, nội dung vợ chồng ông Quyết đổi 03 tấn vôi cho ông Mạnh, nhưng sau đó ông Quyết không có 03 tấn vôi, nên đã thay thế bằng 1.200 viên gạch của bố vợ ông Quyết cho ông Quyết, chứ không có tiền hay tài sản gì khác. Việc giao nhà và nhận 1.200 viên gạch với nhau không có văn bản giấy tờ gì. Ông Lê Văn Q thừa nhận, ngôi nhà cấp 4 cụ Điểm đang sử dụng là do ông Mạnh xây dựng từ năm 1978, năm 1985 đã bán cho vợ chồng ông Quyết, với giá 1.000.000 đồng, sử dụng được 10 năm có sửa chữa lại, ông Quyết xác định ngôi nhà này mua lại của ông Mạnh và để cho cụ Điểm sử dụng.

4. *Tại công văn phúc đáp số 35/UBND-VP ngày 31/01/2018 của UBND huyện H trình bày:* UBND huyện H đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phối hợp với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện, tổ chức rà soát hồ sơ, thủ tục cấp GCNQSDĐ, tình trạng biến động của thửa đất đang tranh chấp, thuộc Tờ bản đồ số 17, Thửa số 26 tại xóm 8, xã H, mang tên ông Lê Văn Q. Sau khi xem xét hồ sơ, UBND huyện có ý kiến như sau: Về hồ sơ, thủ tục cấp GCNQSDĐ, được thực hiện theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận và có hồ sơ trích lục đính kèm.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, đã quyết định: Căn cứ Điều 105, 106 Luật Đất đai năm 2003. Điều 100, khoản 5, 7 Điều 166; điểm d khoản 1 Điều 169 Luật Đất đai năm 2013. Điều 697, 698, 702 Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 623, 649, 650, 651, 652, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 34, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015. Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 161/QĐUB ngày 20/11/1999 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định cấp cho hộ ông Lê Văn Q tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định, Thửa đất số 26, Tờ bản đồ số 17, Diện tích 425m². (Trong đó: đất ở lâu dài là 360m², đất vườn tạp 65m²).

2. Giao cho ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng diện tích đất 338m², Thửa số 26, Tờ bản đồ số 17, tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định... (có sơ đồ chi tiết kèm theo bản án).

3. Giao cho ông Tính, bà Lê Thị N, bà Lê Thị T, ông Lê Thế M, bà Vũ Thị T và anh Lê Song H, chị Lê Thị H quản lý, sử dụng diện tích 87m²... Trên đất có ngôi nhà cụ Điểm sử dụng khi còn sống (có sơ đồ chi tiết kèm theo bản án).

4. Các đương sự có trách nhiệm đề nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2019, ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Lê Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà nội phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; Người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ kiện, đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập và giao nộp chứng cứ, hòa giải... tuy nhiên còn một số thiếu sót trong quá trình giải quyết vụ án. Một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Đại diện Ủy ban nhân dân huyện H vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định. Đơn kháng cáo của bị đơn gửi trong thời hạn luật định, được cấp phúc thẩm chấp

nhận.

[2]. Về nội dung.

[2.1]. Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Nguồn gốc diện tích 425m², tại Bản đồ số 17, Thửa số 26 của xã H là của cụ Lê Văn Tiểu, cụ Bùi Thị Ngọ, cụ Hoàng Thị Điềm và là tài sản chung của ba cụ. Quyền sử dụng đất của các cụ được ghi nhận tại Bản đồ địa chính 299, do Tổng cục địa chính đo vẽ năm 1985. Sau đó, quá trình thực hiện Đề án 68 của tỉnh Nam Định, về việc chia lại ruộng cho các hộ sản xuất nông nghiệp, diện tích thổ đất trên đã được cân đối vào tiêu chuẩn ruộng nông nghiệp của các cụ. Năm 1994, cụ Ngọ chết, năm 1996 cụ Tiểu chết, trước khi chết hai cụ không để lại di chúc. Do vậy, một phần diện tích đất này là di sản thừa kế của hai cụ để lại và được chia theo pháp luật, cụ Ngọ không có con và chết trước cụ Tiểu, nên cụ Tiểu là người được hưởng kỷ phần của cụ Ngọ, đến năm 1996 cụ Tiểu chết. Vì vậy, phần di sản thừa kế của cụ Tiểu trong khối tài sản chung, thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất bao gồm cụ Hoàng Thị Điềm (*chết năm 2019*) và các con chung được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự 1995. Theo quy định tại Công văn số 1427/CV/ĐC ngày 13/10/1995 và Thông tư số 346 ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính, thì việc kê khai, xin cấp GCNQSDĐ, trong trường hợp này cần có văn bản phân chia di sản thừa kế, nếu một trong các đồng thừa kế tự ý kê khai, thì việc kê khai không đảm bảo cơ sở pháp lý để cấp GCNQSDĐ cho người kê khai. Từ năm 1996 trở về trước, ba cụ chưa có sự thống nhất và định đoạt phân chia khối tài sản chung. Sau khi cụ Tiểu và cụ Ngọ chết, ông Quyết đi kê khai đăng ký, được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ vào ngày 20/11/1999. Căn cứ hồ sơ do UBND huyện H cung cấp, ông Quyết chỉ có đơn kê khai, không được sự đồng ý của cụ Điềm (*lúc còn sống*) và các chị em trong gia đình, không có văn bản phân chia tài sản. Mặt khác, tại hồ sơ cấp đất cho hộ ông Quyết thể hiện, nguồn gốc đất xin cấp GCNQSDĐ là do Nhà nước công nhận quyền sử dụng, không phải do nhận chuyển nhượng. Mặc dù, quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Quyết và bà Hòa đều xác định, diện tích đất nhận chuyển nhượng của cụ Tiểu và cụ Ngọ từ năm 1990, với giá là 170.000 đồng, nhưng không có giấy tờ chứng minh về việc mua bán, chuyển nhượng này. Mặt khác, toàn bộ các thành viên trong gia đình, trong đó có vợ chồng ông Quyết khẳng định, năm 1996, anh em góp tiền và công sức vào làm nhà cho bố mẹ là cụ Tiểu và cụ Điềm để ở. Ông Quyết cho rằng ông nhận chuyển nhượng đất từ năm 1990 từ cụ Tiểu và cụ Ngọ, trong khi đó cụ Điềm còn sống ở tại đất này không biết việc giao dịch diễn ra như thế nào và vào thời điểm nào. Năm 2001, khi biết ông Quyết được cấp GCNQSDĐ, cụ Điềm và các đồng thừa kế đã làm đơn phản đối gửi UBND xã H và Đài tiếng nói Việt Nam. Như vậy, UBND huyện H chưa tuân thủ đúng trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của những người cùng hàng thừa kế với ông Quyết. Căn cứ Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn T, hủy GCNQSDĐ, cấp cho hộ ông Lê Văn Q ngày 20/11/1999 của UBND huyện H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về yêu cầu chia di sản thừa kế.

[2.2.1]. Về thời hiệu: Thửa đất số 26 tờ bản đồ số 17 của xã H, huyện H, có

diện tích là 425m², nguồn gốc của cụ Lê Văn Tiểu, cụ Bùi Thị Ngọc và cụ Hoàng Thị Điểm. Cụ Ngọc chết năm 1994, cụ Tiểu chết năm 1996, cụ Điểm chết ngày 15/01/2019. Các cụ Tiểu, cụ Ngọc, cụ Điểm (*quá trình giải quyết vụ án cụ Điểm chết năm 2019*) không để lại di chúc, anh em chưa có phân chia di sản thừa kế. Căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự, thời hiệu để người yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản... Do vậy, việc ông Lê Văn T, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, yêu cầu chia di sản thừa kế cụ Tiểu, cụ Ngọc, cụ Điểm là còn thời hiệu theo quy định của pháp luật.

[2.2.2]. *Về hàng thừa kế*: Cụ Lê Văn Tiểu có hai vợ. Vợ cả là cụ Bùi Thị Ngọc không có con chung. Vợ hai là cụ Hoàng Thị Điểm, giữa cụ Tiểu và cụ Điểm có 6 người con chung gồm: Bà Lê Thị N, bà Lê Thị T, ông Lê Văn Q, ông Lê Thế M, ông Lê Văn T, ông Lê Văn Quý. Ông Lê Văn Quý chết năm 2009, ông Quý có vợ là bà Vũ Thị T và hai con là anh Lê Song H, chị Lê Thị H. Căn cứ Điều 651, 652 Bộ luật Dân sự thì bà Thim, anh Hào, chị Huế là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Quý, cụ thể: khi cụ Tiểu chết năm 1996 thì ông Quý còn sống được hưởng di sản của cụ Tiểu, đến năm 2009 ông Quý chết di sản chưa được phân chia, thì bà Thim, anh Hào, chị Huế hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của ông Quý đối với phần di sản của cụ Tiểu; năm 2019 cụ Điểm chết, do ông Quý chết trước, thì anh Hào và chị Huế được hưởng thừa kế thế vị đối với phần di sản của cụ Điểm. Ngoài ra, cụ Tiểu và cụ Điểm không có người con nào khác. Vì vậy, hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Lê Thị N; bà Lê Thị T; ông Lê Văn Q; ông Lê Thế M; ông Lê Văn T; bà Vũ Thị T, anh Lê Song H, chị Lê Thị H. Tòa án cấp sơ thẩm xác định là đúng quy định của pháp luật.

[2.2.3]. *Về di sản thừa kế*: Cụ Lê Văn Tiểu có hai vợ, vợ cả là cụ Bùi Thị Ngọc không có con chung, vợ thứ hai là cụ Hoàng Thị Điểm có 06 người con chung. Cả ba cụ cùng sống chung một nhà trên cùng thổ đất. Khi còn sống cụ Tiểu, cụ Ngọc, cụ Điểm có một thổ đất có diện tích 410m² tại Bản đồ số 17, Thửa số 26 của xã H. Hiện nay vợ chồng ông Quyết, bà Hòa đang sử dụng. Thổ đất có nguồn gốc của cụ Lý Ruân (bố đẻ ra cụ Tiểu) chỉ có khoảng ¼ thổ đất, còn lại cụ Tiểu mua của những người khác ¾ thổ đất. Cụ Tiểu và cụ Ngọc chết không để lại di chúc. Các tài sản trên thửa đất do ông Quyết, bà Hòa và ông Mạnh xây dựng chứ không phải của các cụ xây dựng. Theo Bản đồ địa chính xã H thì diện tích đất là 410m², nhưng đến năm 1999, ông Lê Văn Q được cấp GCNQSDĐ, diện tích là 425m². Như vậy, di sản thừa kế là diện tích đất 425m², Tòa án cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ.

[2.2.4]. *Về phân chia di sản*: Cụ Tiểu, cụ Ngọc và cụ Điểm chết không để lại di chúc, việc chia thừa kế được chia theo pháp luật. Căn cứ Điều 651 Bộ luật Dân sự, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất đều được hưởng quyền thừa kế như nhau. Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích đất 425m², hiện nay vợ chồng ông Quyết đang sử dụng. Về nguyên tắc chia đều cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, mỗi kỹ phần thừa kế sẽ được hưởng tương ứng theo pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ đơn đề nghị ngày 13/4/2019, ông Lê Văn T, bà Lê Thị N, bà Lê Thị T, bà Vũ Thị T, ông Lê Thế M đã thống nhất, chỉ yêu cầu chia một phần di sản thừa kế là diện tích đất, vị trí nằm ở phía Nam của thửa đất, đây là diện tích đất khi cụ Điểm còn sống ở trên ngôi nhà nằm trên diện tích đất này.

Căn cứ đề nghị của ông Tính và những người liên quan đứng về phía ông Tính, trên cơ sở vị trí, hiện trạng của thửa đất, sự tự nguyện. Xét thấy, ông Tính và những người liên quan là tự nguyện chỉ nhận một phần nhỏ di sản, không trái quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận sự tự nguyện, giao phần diện tích đất 87m² là đúng quy định của pháp luật.

[2.2.5]. *Đối với các tài sản trên đất:* Tất cả các công trình xây dựng gồm Nhà ở, Sân bê tông, Bể nước, Cổng và tường rào, Giếng khoan... do vợ chồng ông Quyết xây dựng, nằm trên phần diện tích đất giao cho ông Quyết, các đương sự không có tranh chấp, không xem xét giải quyết. Đối với căn nhà cụ Điểm sử dụng khi còn sống, nằm trên phần diện tích đất giao cho ông Tính và những người liên quan đứng về phía ông Tính. Nguồn gốc ngôi nhà do ông Mạnh xây dựng năm 1978, đến năm 1993 ông Mạnh giao lại nhà cho ông Quyết sử dụng. Hai bên thỏa thuận bằng miệng, nội dung ông Quyết đưa 03 tấn vôi cho ông Mạnh, nhưng sau đó ông Quyết không có 03 tấn vôi, nên thay thế bằng 1.200 viên gạch của bố vợ ông Quyết cho, chứ không có tiền hay tài sản gì khác. Việc giao nhà và nhận 1.200 viên gạch với nhau không có văn bản giấy tờ gì. Ông Quyết thừa nhận, ngôi nhà cấp 4 cụ Điểm sử dụng là do ông Mạnh xây dựng từ năm 1978. Năm 1985, ông Mạnh bán cho với giá 1.000.000đồng, sử dụng được 10 năm có sửa chữa lại. Ông Quyết xác định ngôi nhà này mua lại của ông Mạnh và để cho cụ Điểm sử dụng. Việc mua bán, đổi vật liệu xây dựng lấy ngôi nhà giữa ông Mạnh và ông Quyết không có giấy tờ gì. Thời điểm hiện tại trị giá ngôi nhà không lớn, phần diện tích đất là di sản thừa kế giao cho ông Quyết có giá trị quyền sử dụng đất cao gấp nhiều lần, quyền lợi ông Quyết được phân chia đã đảm bảo kể cả về phần công sức, không ảnh hưởng đến thực trạng ông Quyết đang sử dụng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giao ngôi nhà này cho ông Tính và những người liên quan đứng về phía ông Tính là phù hợp.

[3]. *Xét kháng cáo của bị đơn:* Việc ông Quyết và bà Hòa cho rằng, năm 1994 đã được cụ Lê Văn Tiểu làm đơn chuyển giao toàn bộ nhà đất, năm 1999 được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ, hơn 25 năm được chuyển giao đất cho vợ chồng và 20 năm được cấp GCNQSDĐ, trong gia đình không hề có tranh chấp hay xảy ra va chạm về đất đai, bà Vũ Thị T không có quyền đòi quyền lợi, anh Lê Song H và chị Lê Thị H chỉ là một được hưởng quyền lợi trong vụ án theo quyền thừa kế thế vị. Xét thấy, các quan điểm kháng cáo là không có cơ sở, không được chấp nhận như nhận định tại Mục [2]. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. *Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:* Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, được chấp nhận.

[5]. *Về án phí phúc thẩm:* Bị đơn kháng cáo tuy không được chấp nhận nhưng xét ông Quyết và bà Hòa là người cao tuổi, nên Hội đồng xét xử miễn án phí phúc thẩm cho ông Quyết, bà Hòa theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị H.
2. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.
3. Án phí phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị H.
4. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đặng Đình Lực